

HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Sở hữu trí tuệ

(Các vấn đề xã hội của CNTT)

Khoa Công nghệ thông tin – Học viện Nông nghiệp Việt Nam
Bài giảng Tin học đại cương

Bạn có biết các thuật ngữ sở hữu trí tuệ?

- Bạn đã từng nghe các thuật ngữ sau?
 - V phạm **bản quyền**,
 - Xâm phạm **quyền tác giả**
 - Tranh chấp **thương hiệu**
 - Việt Nam ban hành **luật sở hữu trí tuệ**
 - Việt Nam gia nhập công ước Berne **bảo hộ quyền tác giả** của tác phẩm nước ngoài
- Bạn đã từng thấy kí hiệu © ® ™ ?
Windows™. Copyright © by Microsoft ®
- Sở hữu trí tuệ
= sở hữu (đối với) tài sản trí tuệ



Chương 7: Giới thiệu chung 2

Khoa Công nghệ thông tin – Học viện Nông nghiệp Việt Nam
Bài giảng Tin học đại cương

Phân loại tài sản: tài sản vật chất vs tài sản trí tuệ

Tài sản vật chất	Tài sản trí tuệ
– Đất đai, nhà cửa, xe cộ, đồ đạc, ...	– Tác phẩm văn học, phần mềm, sáng chế, thiết kế, ...
– Vật chất hữu hình – sờ nắm được	– Giá trị nằm ở ý tưởng sáng tạo chứ không ở phương tiện vật lí thể hiện
– Người chủ sở hữu có thể tự bảo quản tài sản của mình để ngăn người khác sử dụng	– Một khi tài sản trí tuệ được công bố thì không thể ngăn người khác sao chép, sử dụng được
– Mỗi lúc chỉ có một người dùng, nếu người này dùng thì người khác không thể dùng được	– Vì có thể nhân bản nên mỗi lúc có thể nhiều người dùng đồng thời

Chương 1: Giới thiệu chung 3

Khoa Công nghệ thông tin – Học viện Nông nghiệp Việt Nam
Bài giảng Tin học đại cương

Quyền sở hữu tài sản

- Dù là tài sản vật chất hay tài sản trí tuệ → luôn có mối quan hệ đối lập giữa người chủ sở hữu và người không phải là chủ sở hữu
 - Chú ý: người chủ sở hữu (đầu tiên) của tài sản trí tuệ là tác giả sáng tác ra tài sản trí tuệ đó
- Người chủ sở hữu tài sản (vật chất/trí tuệ) có mọi quyền với tài sản trong khi những người khác không có quyền gì
 - Người chủ sở hữu (người giữ quyền sở hữu)
 - Có mọi quyền nắm giữ, sử dụng, chuyển nhượng tài sản. Tập tất cả các quyền này được gọi là **quyền sở hữu**.
 - Quyền sở hữu đối với tài sản trí tuệ được gọi là **quyền sở hữu trí tuệ**.
 - Nếu thấy người khác sử dụng trái phép (không xin phép) thì có thể đâm đơn kiện
 - Những người không là chủ sở hữu:
 - Không có quyền gì với tài sản, muốn sử dụng thì phải hỏi xin người chủ sở hữu
 - Nếu sử dụng trái phép (không xin phép) tài sản của chủ sở hữu sẽ bị pháp luật xử lí
- Khi thấy chiếc xe ô tô thì dù người chủ sở hữu không cần làm gì ai cũng hiểu là muốn dùng thì phải hỏi xin. Nhưng khi thấy một CD ca nhạc thì người ta dễ có xu hướng sao chép về dùng mà không phải hỏi xin hãng sản xuất đĩa.

Chương 1: Giới thiệu chung 4

Khoa Công nghệ thông tin – Học viện Nông nghiệp Việt Nam
Bài giảng Tin học đại cương

Quyền sở hữu trí tuệ dễ bị xâm phạm

- Tài sản vật chất: là vật chất hữu hình → người chủ sở hữu dễ dàng ngăn cản người khác sử dụng trái phép tài sản vật chất của mình (bằng cách lập hàng rào, cất giấu nơi kín, khóa lại, v.v.)
→ Người chủ sở hữu dễ dàng tự bảo vệ quyền sở hữu của mình.
- Tài sản trí tuệ: dễ bị nhân bản và người chủ sở hữu (tác giả) không thể ngăn cản được người khác sử dụng trái phép
 - CD ca nhạc, phần mềm dễ bị sao chép, sách dễ bị photo, thiết kế dễ bị bắt chước, kiểu dáng dễ bị làm nhái ...
 - Các biện pháp chống sao chép đều bất lực trước nạn crack
- Quyền sở hữu trí tuệ dễ bị xâm phạm và người chủ sở hữu không thể tự bảo vệ được quyền sở hữu của mình
→ Cần ra đời luật sở hữu trí tuệ để cấm người khác sử dụng trái phép, sao chép, cải biên ... tài sản trí tuệ.

Chương 1: Giới thiệu chung 5

Khoa Công nghệ thông tin – Học viện Nông nghiệp Việt Nam
Bài giảng Tin học đại cương

Luật sở hữu trí tuệ

- Luật sở hữu trí tuệ = Luật về việc sở hữu (đối với) tài sản trí tuệ
 - Việt Nam ban hành luật sở hữu trí tuệ vào năm 2005
- Nội dung của luật sở hữu trí tuệ:
 - Qui định quyền của người chủ sở hữu (tác giả) của tài sản trí tuệ và quyền của người không là chủ sở hữu
 - Nhìn chung người chủ sở hữu có mọi quyền (sử dụng, sao chép, sửa đổi, chuyển nhượng, biểu diễn, ...) còn người không là chủ sở hữu không có quyền gì hoặc muốn có phải **hỏi xin** người chủ sở hữu (tác giả)
- Phạm vi: chỉ có hiệu lực trong một quốc gia
 - Tài sản trí tuệ được bảo hộ ở nước này nhưng có thể bị sử dụng trái phép, sao chép ở nước khác trong khi luật pháp của mỗi nước không thể với tới nước ngoài
 - Nhiều quốc gia cùng kí chung những thỏa thuận bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở nước ngoài
 - Công ước Berne (một số nước châu Âu)
 - Hiệp định TRIPS (các nước tham gia WTO)

Chương 1: Giới thiệu chung 6

Khoa Công nghệ thông tin – Học viện Nông nghiệp Việt Nam
Bài giảng Tin học đại cương

Ý nghĩa của luật sở hữu trí tuệ

- Luật sở hữu trí tuệ cấm người không là chủ sở hữu sử dụng, sao chép ... tài sản trí tuệ mà không hỏi xin người chủ sở hữu
- người chủ sở hữu có thể thu lợi kinh tế từ việc bán quyền sử dụng các tài sản trí tuệ của mình cho người khác
- Luật sở hữu trí tuệ khuyến khích (về mặt kinh tế) cho người chủ ta sáng tạo
- Xã hội có thêm nhiều tài sản trí tuệ để sử dụng
- Luật sở hữu trí tuệ qui định sau một thời gian hữu hạn tài sản trí tuệ buộc phải trở thành tài sản chung (sở hữu cộng) thuộc về tất cả mọi người. Ai cũng có quyền sử dụng, sao chép, sửa đổi, ... một cách tự do nhất
- luật sở hữu trí tuệ cuối cùng đem tài sản trí tuệ từ của riêng thành của chung để tất cả được hưởng lợi!
- Tóm lại: luật sở hữu trí tuệ *trước mắt* là bảo vệ quyền lợi kinh tế của cá nhân người sáng tạo và về *lâu dài* là đem tài sản trí tuệ cho cả cộng đồng dùng.

Chương 1: Giới thiệu chung 7

Khoa Công nghệ thông tin – Học viện Nông nghiệp Việt Nam
Bài giảng Tin học đại cương

Sở hữu công (1)

- Tài sản trí tuệ có thể thuộc về cá nhân tác giả sáng tạo ra - **của riêng**, hoặc thuộc về cả cộng đồng - **của chung**, gọi là **sở hữu công** (public domain).
 - Dân ca quan họ Bắc Ninh (tác giả là nhân dân) là tài sản "của chung" – thuộc về cả xã hội. Ai cũng có quyền biểu diễn, chuyển thể, bản bìa đĩa một cách tùy ý, không phải hỏi xin.
 - Bài hát "Heal the world" là tài sản "của riêng" – thuộc về riêng Michael Jackson. Ai muốn biểu diễn thương mại, bản bìa đĩa phải hỏi xin Michael Jackson (hoặc con cháu của Jackson)
 - Nếu biểu diễn phi thương mại qui mô nhỏ thì không cần phải hỏi xin. Các trường hợp kiểu này được gọi là fair use.
 - Định luật Newton tuy là do riêng Newton sáng tạo ra nhưng không thể đặt giới hạn là của riêng Newton được. Nhân loại cần dùng để phát triển. Tất cả các nguyên lý khoa học đều phải là "sở hữu công".
 - Chú ý: ở thời Newton chưa có luật sở hữu trí tuệ

Chương 1: Giới thiệu chung 8

Khoa Công nghệ thông tin – Học viện Nông nghiệp Việt Nam
Bài giảng Tin học đại cương

Sở hữu công (2)

- Luật sở hữu trí tuệ qui định: Tất cả các tài sản trí tuệ ban đầu là sở hữu của cá nhân tác giả nhưng sau một thời gian đều phải trở thành sở hữu công. Lúc đó ai cũng có mọi quyền sử dụng, sao chép, sửa đổi, ...
 - Tác phẩm văn học, nghệ thuật, phần mềm, ... sau 50 năm tác giả qua đời đều phải trở thành sở hữu công
 - Sáng chế công nghiệp 20 năm sau khi đăng kí đều phải trở thành sở hữu công.




Ở thời đại của 2 tác phẩm này, luật sở hữu trí tuệ chưa ra đời nên 2 tác phẩm được coi là "sở hữu công"



Các bộ phim ra đời những năm 1920 đều đã hết hạn bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ nên trở thành sở hữu công

Chương 1: Giới thiệu chung 9

Khoa Công nghệ thông tin – Học viện Nông nghiệp Việt Nam
Bài giảng Tin học đại cương

Phân loại tài sản trí tuệ

- Tài sản trí tuệ được Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới WIPO (của Liên hiệp quốc) phân 2 loại:
 - Tác phẩm:**
 - Tác phẩm văn học (tiểu thuyết, thơ), nghệ thuật (tranh, nhạc, điêu khắc); chương trình biểu diễn, ...
 - Phần mềm, bản vẽ kiến trúc, cơ sở dữ liệu, ...
 - Quyền sở hữu đối với tác phẩm được gọi là **bản quyền/quyền tác giả**
 - Tài sản trí tuệ công nghiệp:**
 - Sáng chế
 - Thương hiệu
 - Kiểu dáng công nghiệp
 - Bí mật kinh doanh
 - Quyền sở hữu đối với các tài sản nhóm này được gọi là **quyền sở hữu công nghiệp**

Chương 1: Giới thiệu chung 10

Khoa Công nghệ thông tin – Học viện Nông nghiệp Việt Nam
Bài giảng Tin học đại cương

Bản quyền, quyền tác giả

- Tác phẩm:**
 - Tác phẩm văn học (tiểu thuyết, thơ), nghệ thuật (tranh, nhạc, điêu khắc); chương trình biểu diễn, ...
 - Phần mềm, bản vẽ kiến trúc, cơ sở dữ liệu, ...
- tác giả là người nắm giữ mọi quyền với tác phẩm.
- tất cả các quyền sử dụng, sao chép, sửa đổi, ... mà tác giả nắm giữ được gọi là bản quyền (copyright) (ở Anh, Mỹ, Úc) hoặc quyền tác giả (author's right) (ở một số nước châu Âu và Việt Nam)
- Bản quyền khác với quyền tác giả ở điểm quyền nhân thân, nhưng nhìn chung có thể coi bản quyền = quyền tác giả.
 - Luật sở hữu trí tuệ Việt Nam không dùng thuật ngữ bản quyền
- Ngay khi tác phẩm ra đời, tự động bản quyền thuộc về tác giả mà tác giả không phải đăng kí bản quyền với ai.

Chương 1: Giới thiệu chung 11

Khoa Công nghệ thông tin – Học viện Nông nghiệp Việt Nam
Bài giảng Tin học đại cương

Copyright © by XYZ. All rights reserved

- Tác giả là người giữ bản quyền tức là giữ tất cả các quyền sử dụng, sao chép, sửa đổi, ... với tác phẩm. Những người khác không có một quyền gì, muốn có phải hỏi xin tác giả. Nếu tác giả cho ai quyền gì thì sẽ ghi ra, còn không mặc định là không cho ai quyền gì.
 - Giống như một chiếc xe ô tô, người chủ sở hữu không cần phải tuyên bố gì, tất cả mọi người đều ngầm hiểu là muốn dùng thì phải hỏi xin.
- Chú thích: Copyright © by XYZ. All rights reserved.
 - Copyright © by XYZ → tuyên bố bản quyền thuộc về XYZ.
 - All right reserved → tuyên bố **tất cả các quyền** (all rights) sao chép, sử dụng, sửa đổi, ... đều do tác giả giữ (reserve); không ai có quyền gì.
- Kí hiệu © là biểu tượng của bản quyền

Chương 1: Giới thiệu chung 12

Khoa Công nghệ thông tin – Học viện Nông nghiệp Việt Nam
Bài giảng Tin học đại cương

Khi bản quyền hết hạn

- Luật sở hữu trí tuệ của các nước theo Công ước Berne qui định sau 50 năm kể từ ngày mất của tác giả, bản quyền hết hiệu lực, tác phẩm trở thành sở hữu công. Ai cũng có thể sử dụng, sao chép, sửa đổi, phân phối bản sao, kinh doanh, ... một cách tự do.

Chương 1: Giới thiệu chung 13

Khoa Công nghệ thông tin – Học viện Nông nghiệp Việt Nam
Bài giảng Tin học đại cương

Bản quyền và giấy phép sử dụng

- Tuyên bố về bản quyền thuộc về Microsoft
Copyright © 2009 Microsoft. All rights reserved.
- Microsoft giữ tất cả các quyền (all rights reserved) chỉ cho người dùng những quyền ghi trong giấy phép sử dụng Microsoft Software Licence.

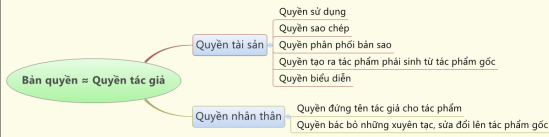


Chương 1: Giới thiệu chung 14

Khoa Công nghệ thông tin – Học viện Nông nghiệp Việt Nam
Bài giảng Tin học đại cương

Bản quyền là tập tất cả các quyền của tác giả

- Bản quyền là tập tất cả các quyền mà tác giả giữ (all rights reserved):
 - Các quyền tài sản: đem lại lợi ích kinh tế cho tác giả
 - Các quyền nhân thân: đem lại lợi ích tinh thần (tự hào) cho tác giả



Quyền tài sản: Quyền sử dụng, Quyền sao chép, Quyền phân phối bản sao, Quyền tạo ra tác phẩm phái sinh từ tác phẩm gốc, Quyền biểu diễn

Quyền nhân thân: Quyền đứng tên tác giả cho tác phẩm, Quyền bác bỏ những xuyên tạc, sửa đổi lên tác phẩm gốc

Chương 1: Giới thiệu chung 15

Khoa Công nghệ thông tin – Học viện Nông nghiệp Việt Nam
Bài giảng Tin học đại cương

Quyền tài sản và Quyền nhân thân

- Các quyền tài sản (sử dụng, sao chép, phân phối bản sao, tạo ra tác phẩm phái sinh, quyền biểu diễn) đều bị cấm đối với người sử dụng trừ khi tác giả đồng ý ban cho.
- Các quyền của người giữ bản quyền = các quyền bị cấm đối với người không giữ bản quyền
 - Quyền phân phối bản sao: ví dụ phân phối lại các CD phần mềm
 - Tác phẩm phái sinh: bản dịch, bản chuyển thể, version mới
 - Quyền biểu diễn: ca sĩ không có quyền hát bài hát của nhạc sĩ nếu chưa được sự đồng ý của nhạc sĩ
- Tác giả kiếm lời kinh tế từ việc bán các quyền sử dụng, sao chép, cải biên, ... Các quyền tài sản có thể chuyển nhượng (khi đó tác giả sẽ mất quyền).
- Quyền nhân thân: quyền nhận làm tác giả của tác phẩm
 - Một số nước như Việt Nam quy định không được phép chuyển nhượng quyền nhân thân

Chương 1: Giới thiệu chung 16

Khoa Công nghệ thông tin – Học viện Nông nghiệp Việt Nam
Bài giảng Tin học đại cương

Người sử dụng bị cấm

- Cấm sử dụng
- Cấm sao chép
- Cấm phân phối lại bản sao
- Cấm cải biên tác phẩm
- Cấm biểu diễn



Chương 1: Giới thiệu chung 17

Khoa Công nghệ thông tin – Học viện Nông nghiệp Việt Nam
Bài giảng Tin học đại cương

Các hiểu sai thường thấy về bản quyền

- "Tôi sử dụng Windows có bản quyền"
 - Phần mềm dù miễn phí như Ubuntu, OpenOffice hay mất phí đắt như Windows, Office đều luôn là phần mềm có bản quyền dù người dùng mua giấy phép sử dụng hay dùng crack, serial, patch.
 - Phần mềm không có bản quyền là phần mềm public domain (sở hữu công) – ai cũng có thể sử dụng, sao chép, sửa đổi, ... một cách tự do nhất có thể.
 - Nên nói là "Tôi sử dụng phần mềm có mua giấy phép/đăng kí"
- Vấn nạn sử dụng phần mềm không bản quyền
 - Phần mềm không bản quyền là phần mềm public domain, nói cách khác ai cũng có quyền sử dụng nên không gây ra vấn đề gì.
 - Nên sửa thành "vấn nạn sử dụng phần mềm vi phạm bản quyền"
- Dù bạn có dùng crack hay không bản quyền phần mềm vẫn thuộc về tác giả. Nếu bạn dùng crack thì là đang vi phạm bản quyền, còn bạn mua giấy phép sử dụng thì là đang sử dụng phần mềm theo đúng luật bản quyền.

Chương 1: Giới thiệu chung 18

Khoa Công nghệ thông tin – Học viện Nông nghiệp Việt Nam
Bài giảng Tin học đại cương

Sáng chế và bằng sáng chế

- Sáng chế là một giải pháp kỹ thuật **mới** thể hiện qua các sản phẩm, qui trình công nghệ **mới**
- Để một qui trình công nghệ hoặc sản phẩm được công nhận là sáng chế thì người sáng chế phải
 - Làm hồ sơ về sáng chế của mình để nộp lên Cục sở hữu trí tuệ
 - Chứng minh với Cục sở hữu trí tuệ là sản phẩm/qui trình có tính **mới** hơn so với các sản phẩm, qui trình khác tương tự.
 - Nếu chứng minh thành công, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ cấp bằng sáng chế cho người sáng chế.
 - Đóng tiền phí duy trì bằng sáng chế hàng năm
- Khi có bằng sáng chế thì người khác nếu muốn áp dụng giải pháp kỹ thuật phải hỏi xin người giữ bằng sáng chế
- Bằng sáng chế có hiệu lực 20 năm sau ngày đăng kí. Hết hạn 20 năm này, sáng chế phải trở thành public domain, ai cũng có quyền áp dụng vào sản xuất.

Chương 1: Giới thiệu chung 19

Khoa Công nghệ thông tin – Học viện Nông nghiệp Việt Nam
Bài giảng Tin học đại cương

Thu hồi kinh tế từ bằng sáng chế

- Sáng chế là tinh hoa của một nền công nghiệp
- Các công ty tiên phong thường nghiên cứu sáng tạo và thuyết phục Cục sở hữu trí tuệ cấp bằng sáng chế cho các sáng tạo này. Các công ty đi sau nếu muốn áp dụng các sáng tạo này phải trả tiền mua giấy phép sử dụng sáng chế
 - IBM là tập đoàn giữ 70 000 bằng sáng chế - nhiều nhất thế giới. Mỗi năm thu về 1 tỉ USD từ việc bán quyền sử dụng bằng sáng chế và các tài sản trí tuệ khác
- Mua giấy phép sử dụng sáng chế, mua đi bán lại bằng sáng chế, kiện cáo vi phạm bằng sáng chế là một hình thức cạnh tranh trong công nghiệp:
 - Apple kiện Samsung vi phạm sáng chế về iPhone, iPad với thắng kiện 1 tỉ USD. Samsung kiện Apple vi phạm sáng chế 3G với thắng kiện Apple không được bán iPhone cũ trong Mỹ.
 - Microsoft mua lại Motorola một phần vì sợ vi phạm các sáng chế của Motorola. Google mua cả nghìn bằng sáng chế của IBM để tránh kiện cáo liên quan đến Android
 - Kodak chuẩn bị phá sản, các tập đoàn Google, Facebook, Adobe, ... mua lại 525 triệu USD các bằng sáng chế của Kodak

Chương 1: Giới thiệu chung 20

Khoa Công nghệ thông tin – Học viện Nông nghiệp Việt Nam
Bài giảng Tin học đại cương

Thương hiệu

- Thương hiệu là tên gọi, dấu hiệu (biểu tượng, hình ảnh) để chỉ một loại sản phẩm, dịch vụ, công ty nào đó nhằm phân biệt nó với các sản phẩm, dịch vụ, công ty khác.
 - Để đơn giản coi thương hiệu (trademark) = nhãn hiệu (brandname)
- Khi sáng tạo ra một thương hiệu, tổ chức nên đăng kí thương hiệu với Cục Sở hữu Trí tuệ để đảm bảo sau này không có người khác sử dụng lại hoặc gần giống thương hiệu này nữa.
- Có thể không cần đăng kí thương hiệu với Cục sở hữu trí tuệ nhưng khi xảy ra tranh chấp thương hiệu (do thương hiệu gần giống nhau và gây ra nhầm lẫn cho khách hàng) thì rất khó giải quyết.

Chương 1: Giới thiệu chung 21

Khoa Công nghệ thông tin – Học viện Nông nghiệp Việt Nam
Bài giảng Tin học đại cương

Kí hiệu ® TM SM

- Ở Mỹ, người chủ sở hữu của một thương hiệu thường nhắc nhở người khác không dùng thương hiệu của mình bằng cách thêm kí hiệu:
 - ® vào sau tên thương hiệu đã được đăng kí (chữ R viết tắt của registered – đã đăng kí)
 - TM hoặc SM vào sau tên thương hiệu của hàng hóa (TM – trademark) hoặc dịch vụ (SM – service mark) đã được dùng trong thực tế nhưng chưa đăng kí.



Chương 1: Giới thiệu chung 22

Khoa Công nghệ thông tin – Học viện Nông nghiệp Việt Nam
Bài giảng Tin học đại cương

Đăng kí thương hiệu ở nước ngoài

- Một thương hiệu dù đăng kí trong nước nhưng khi ra nước ngoài có thể bị trùng với thương hiệu của nước ngoài
 - Trùng thương hiệu: Dịch vụ lưu trữ đám mây của Microsoft là SkyDrive bị coi là trùng với Dịch vụ truyền hình có trả tiền ở Anh là Sky → Microsoft thua kiện
 - Bị lấy mất thương hiệu: Hiệp hội Cà phê Việt Nam khi đăng kí thương hiệu Cà phê Buôn Ma Thuột của Việt Nam ở Trung Quốc, Mỹ, Canada đều bị từ chối vì các doanh nghiệp cà phê ở những nước này đã nhanh chân đăng kí từ trước



Công ty cà phê Guangzhou Buon Ma Thuot Coffee tại Quảng Đông Trung Quốc đã nhanh chân đăng kí bảo hộ thương hiệu "Buon Ma Thuot" tại Trung Quốc năm 2011 trước khi Hiệp hội Cà phê Buôn Ma Thuột của Việt Nam đệ đơn đăng kí năm 2013

Chương 1: Giới thiệu chung 23

Khoa Công nghệ thông tin – Học viện Nông nghiệp Việt Nam
Bài giảng Tin học đại cương

Công ước Berne và Hiệp định TRIPS

- Luật sở hữu trí tuệ chỉ bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong một quốc gia, khi tài sản trí tuệ được mang sang đất nước khác có thể nó không được bảo hộ nếu luật pháp nước này có qui định.
- Nhu cầu thỏa thuận chung về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ giữa các quốc gia với nhau.
- Các nước châu Âu - Công ước Berne: bảo hộ quyền tác giả (bản quyền) của các tác phẩm nước ngoài.
- Các nước gia nhập WTO – Hiệp định TRIPS. TRIPS là một bước phát triển hơn của Công ước Berne.
- Điều kiện gia nhập WTO là phải có luật sở hữu trí tuệ trong luật pháp và phải thực thi hiệp định TRIPS
- Việt Nam ban hành luật sở hữu trí tuệ vào năm 2005, luật này thỏa mãn các điều khoản của Công ước Berne và Hiệp định TRIPS.

Chương 1: Giới thiệu chung 24